

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /2017/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 02 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

Căn cứ Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 637/TTr-STC ngày 28 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre:

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi như sau:

“1. Tiền ăn: Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm

2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.”

2. Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa:

a) Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

b) Học văn hóa: thực hiện theo quy định tại Điều 25. Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3. Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.”

3. Điểm a Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“a) Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.”

4. Điểm a, d Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“a) Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

d) Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.”

5. Điểm a Khoản 2 Điều 6 được sửa đổi như sau”

“a) Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KT VBQPPL-Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Website Chính phủ; ✓
- Công TTĐT tỉnh;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- Báo Đồng Khởi và Đài PTTH tỉnh;
- N/c TCĐT, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng